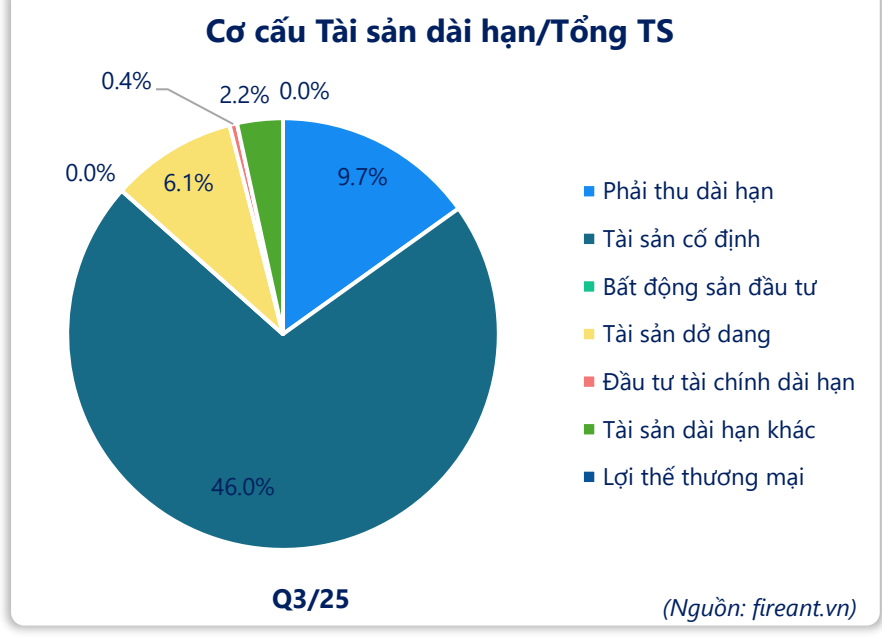
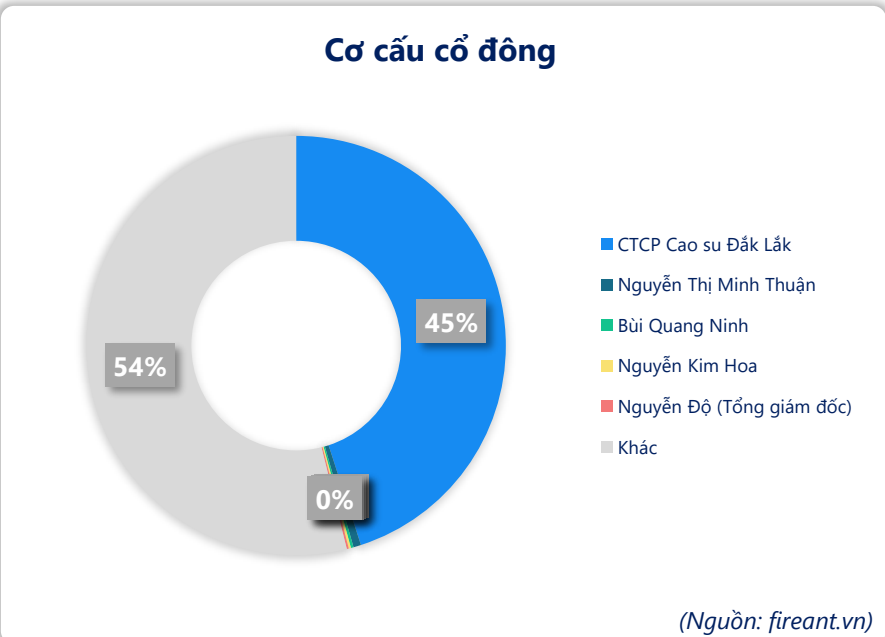
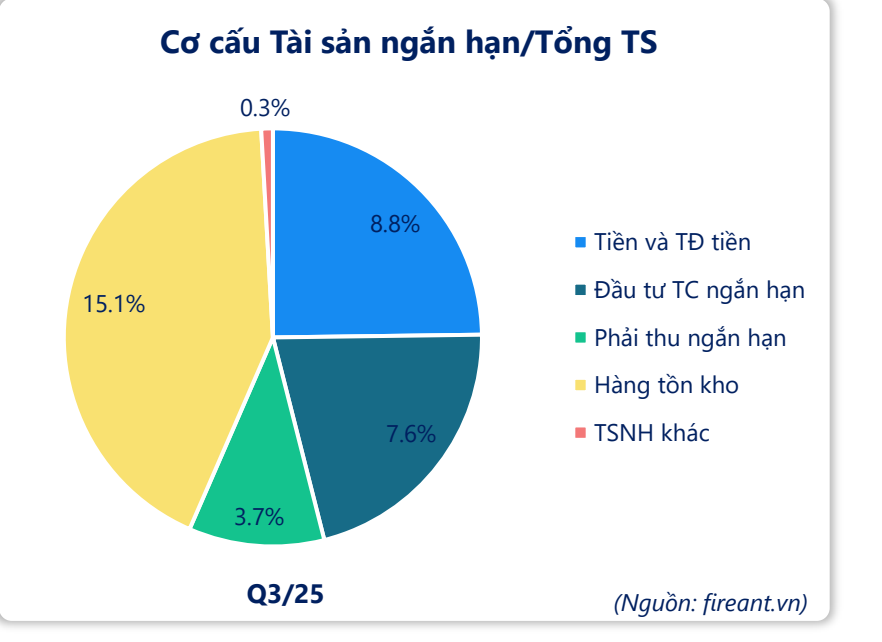
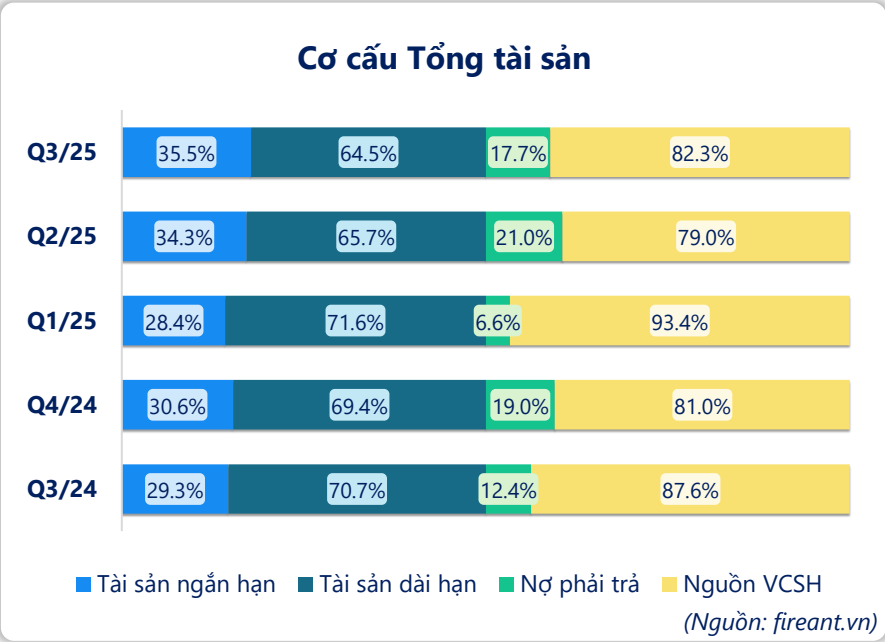
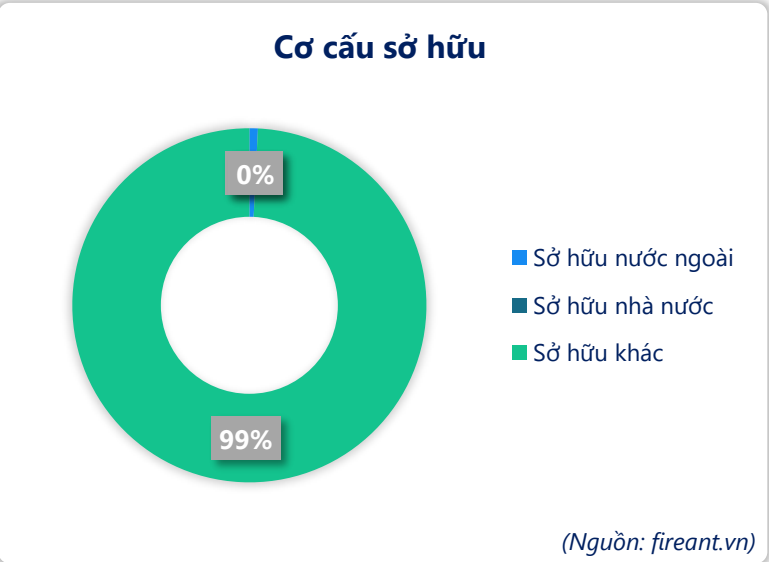
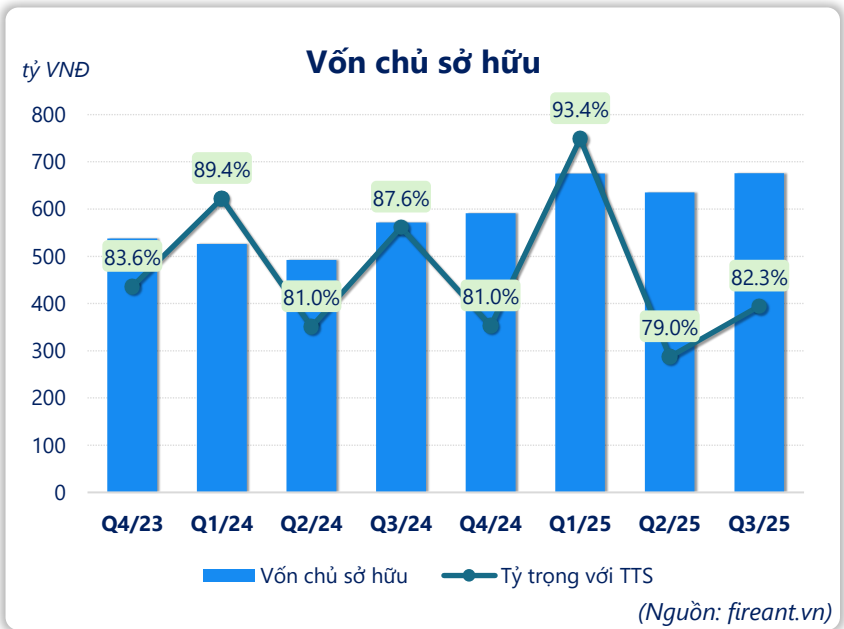
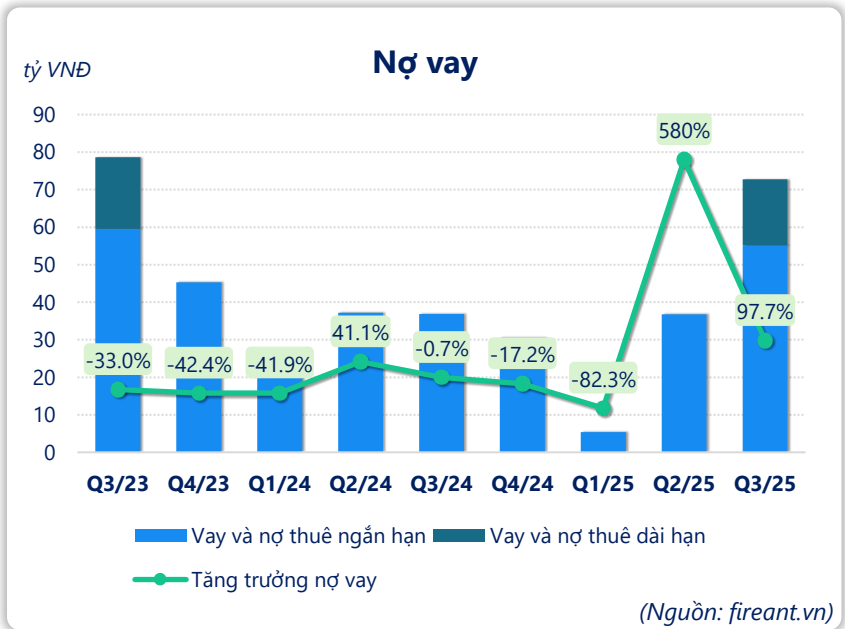
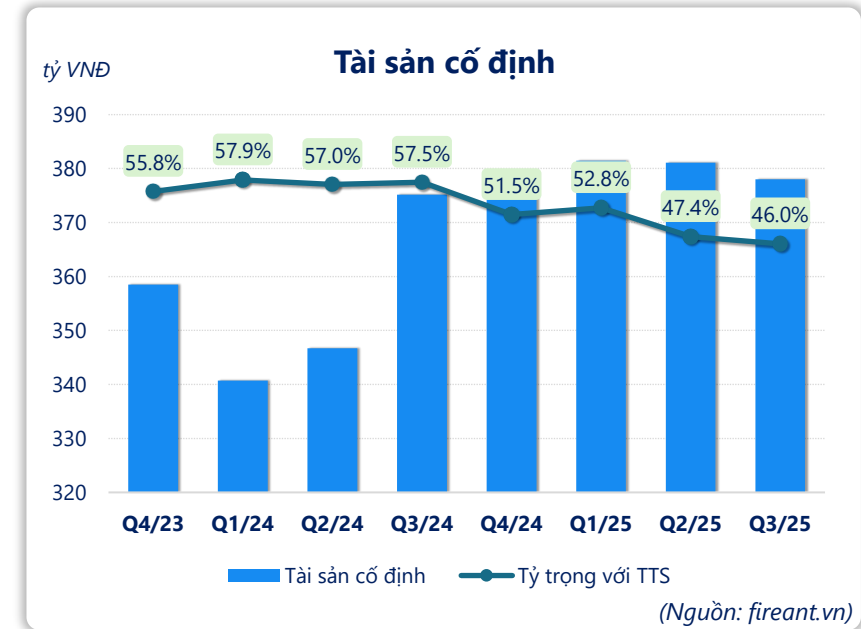
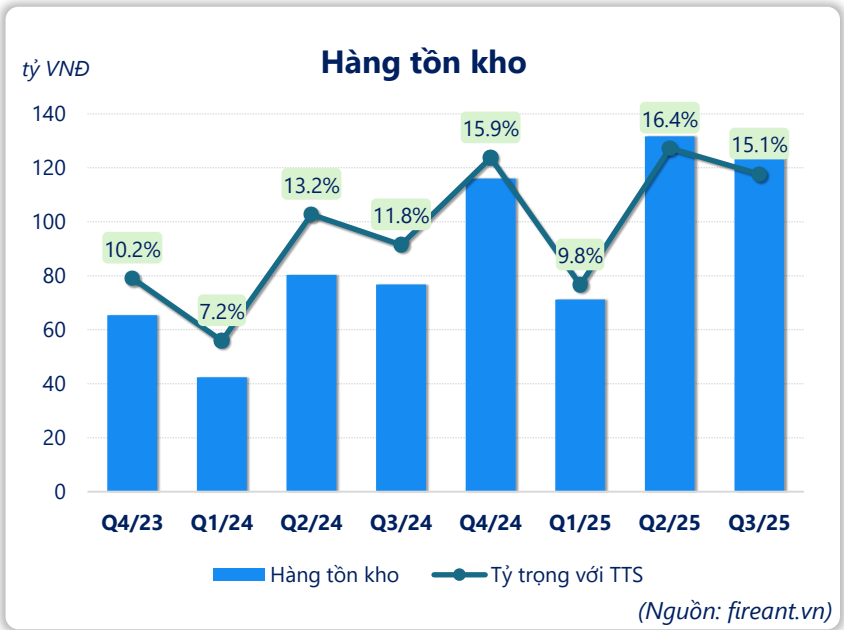
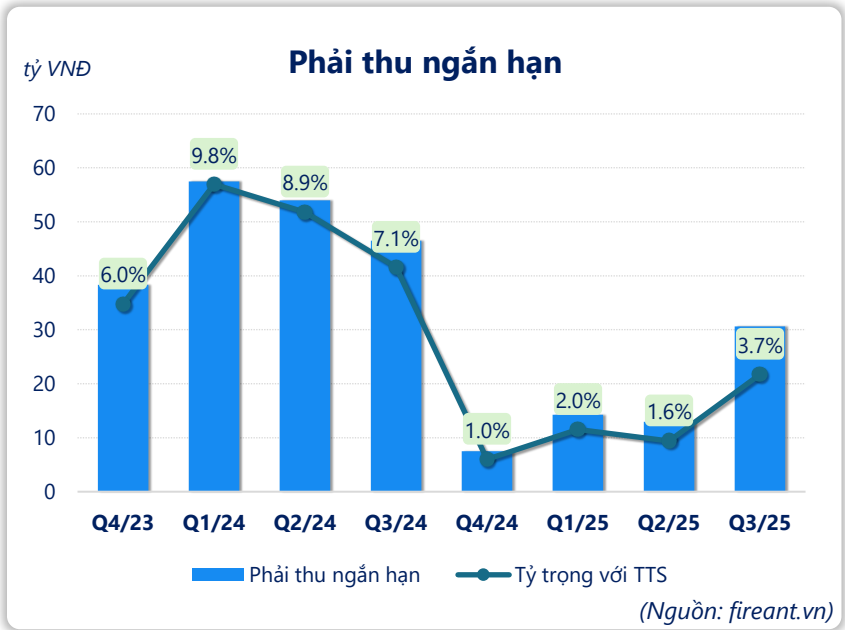
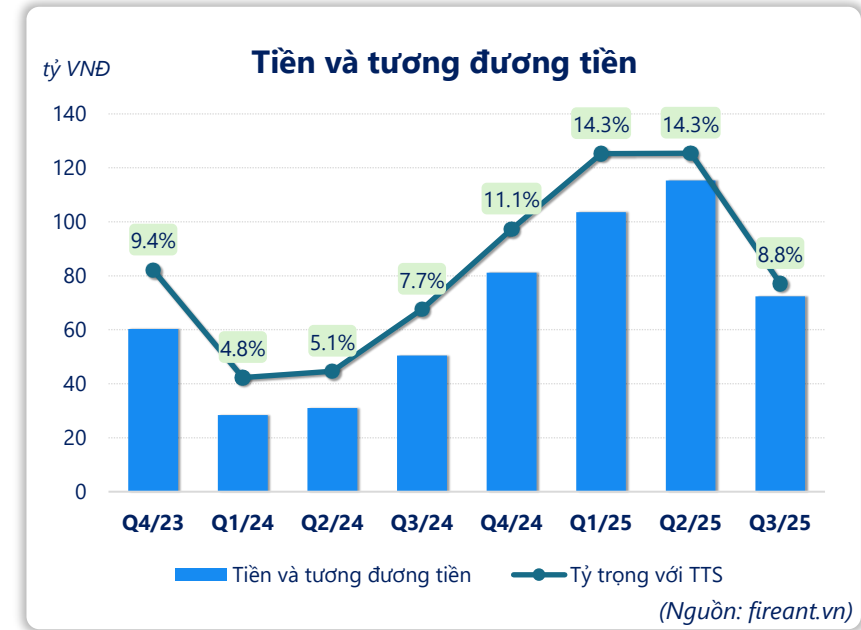
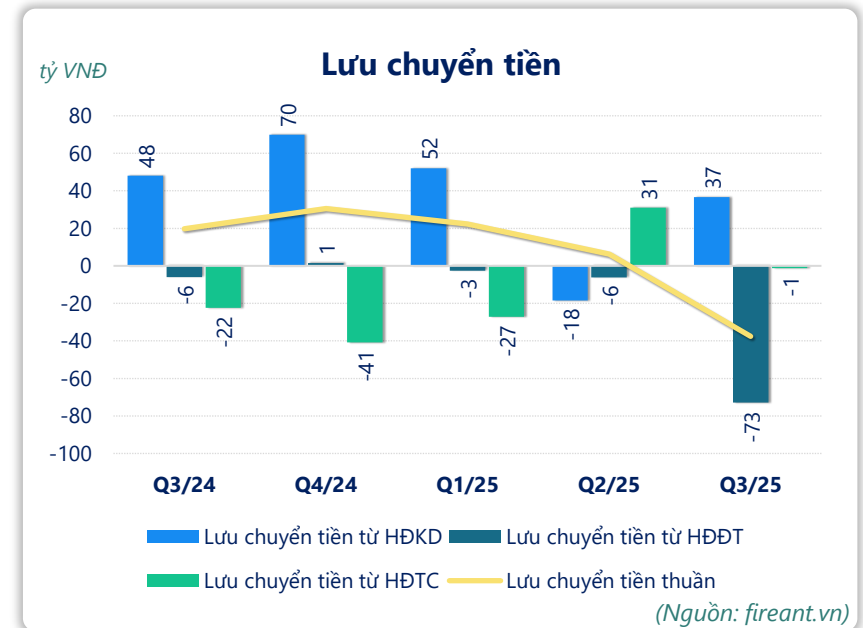
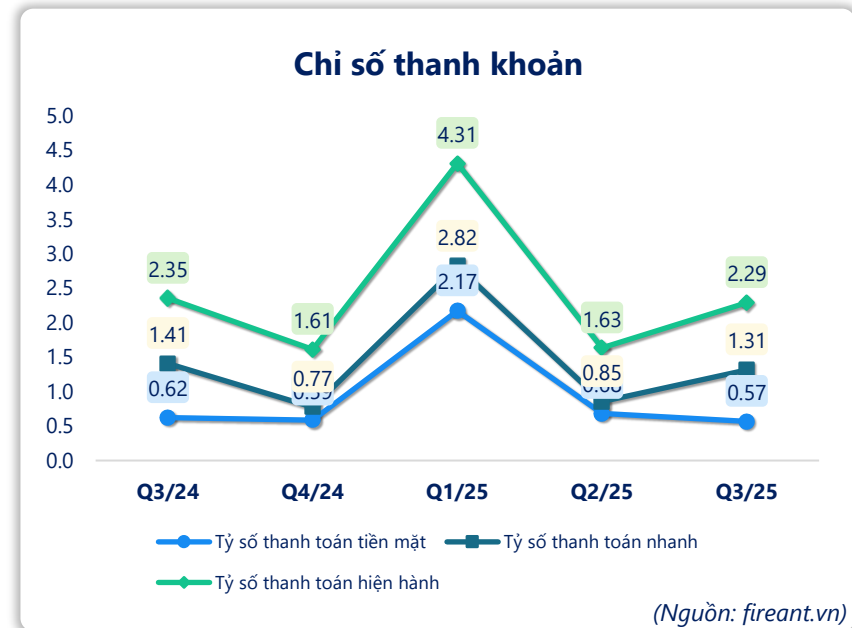
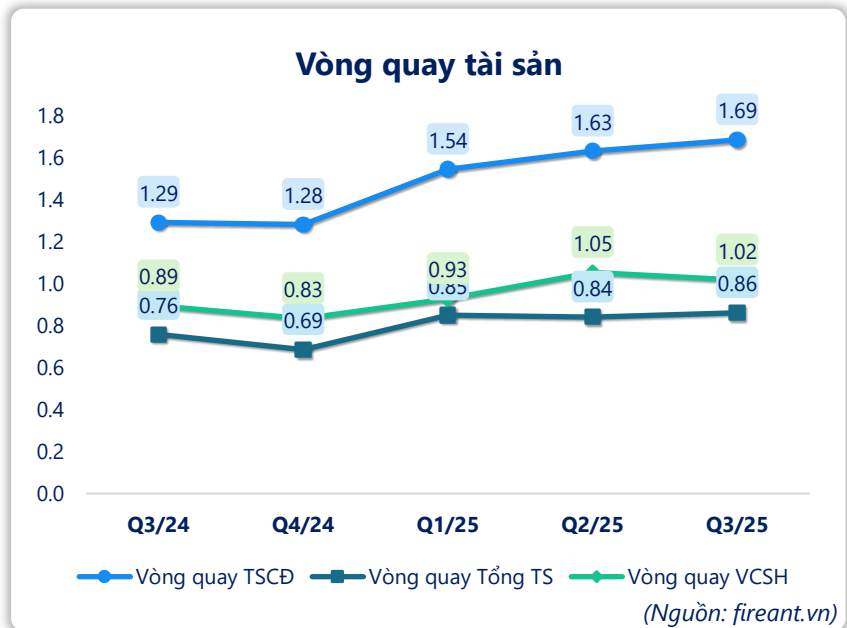
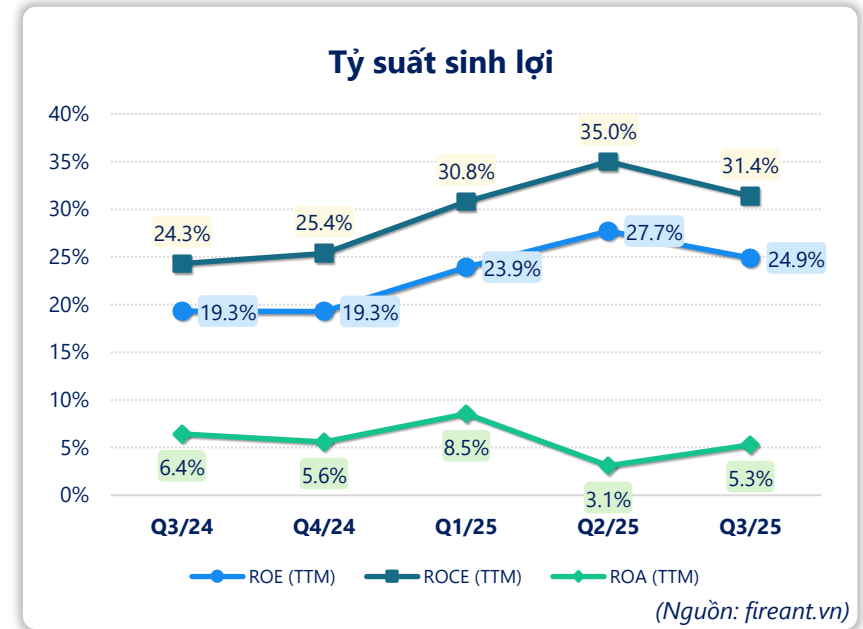
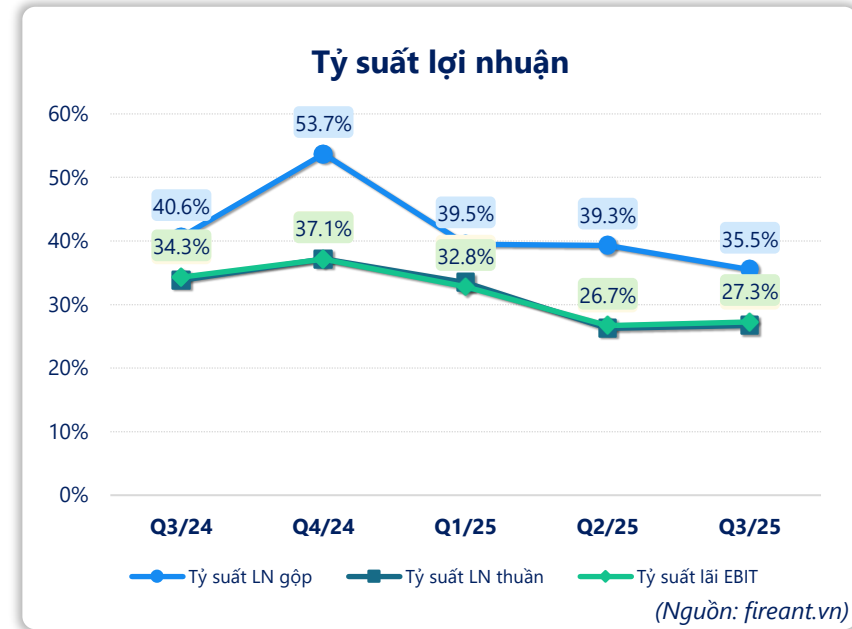
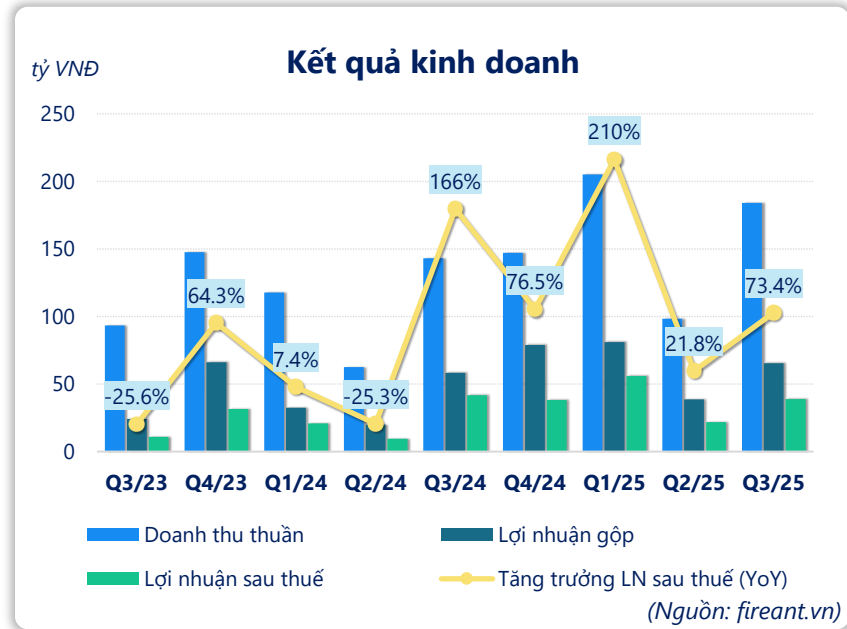


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,104
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,389
SL cổ phiếu LH		73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		434,050
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		842
P/E		5.4
EPS		2,121

	YTD	1T	3T	6T
DRI	-6.8%	-4.2%	-7.6%	-13.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	821	729	12.6%
Tài sản ngắn hạn	292	223	31.0%
Tiền và tương đương tiền	72.3	81.1	-10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.0	10.0	520%
Phải thu ngắn hạn	30.6	6.48	373%
Hàng tồn kho	124	116	7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.62	9.21	-71.6%
Tài sản dài hạn	529	506	4.5%
Phải thu dài hạn	80.0	80.0	0.0%
Tài sản cố định	378	375	0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	50.0	36.8	35.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	18.1	11.0	63.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	145	138	4.8%
Nợ ngắn hạn	127	138	-8.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.1	30.5	80.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.72	4.10	39.7%
Nợ dài hạn	17.7	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	17.7	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	676	591	14.4%
Vốn chủ sở hữu	676	591	14.4%
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	143	147	205	98.4	184
Giá vốn hàng bán	85.0	68.1	124	59.7	119
Lợi nhuận gộp	58.2	79.0	81.0	38.7	65.4
Doanh thu HĐTC	7.18	5.62	4.10	6.11	5.71
Chi phí TC	1.83	2.99	1.22	0.81	2.82
Chi phí lãi vay	0.93	1.12	0.30	0.35	1.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.31	9.82	7.46	6.48	7.64
Chi phí QLDN	6.78	17.1	7.79	11.6	11.5
LN thuần từ HĐKD	48.4	54.7	68.6	25.8	49.1
Lợi nhuận khác	-0.25	-1.21	-1.71	0.07	-0.12
LN trước thuế	48.2	53.5	66.9	25.9	49.0
Lợi nhuận sau thuế	41.7	38.1	55.9	21.8	38.9
LNST của CĐ cty mẹ	39.9	38.4	55.9	21.9	39.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.1	69.9	52.1	-18.5	36.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.93	1.43	-2.52	-6.18	-72.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.3	-40.8	-27.2	31.0	-1.21
Tiền đầu kỳ	31.0	50.4	81.1	104	115
Lưu chuyển tiền thuần	19.8	30.5	22.4	6.29	-37.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.37	0.15	0	5.48	-5.37
Tiền cuối kỳ	50.4	81.1	104	115	72.3

(Nguồn: fireant.vn)